UNIT 1: MY NEW SCHOOL

A. VOCABULARY

No.	Word/ Phrase	Type	IPA	Meaning
1.		(n)	/ˈbaɪsɪkl/	xe đạp
2.		(n)	/bɪn/	thùng rác
3.		(n)	/ˈbʊkkeɪs/	tủ sách
4.		(n)	/ˈkælkjuleɪtə(r)/	máy tính bỏ túi
5.		(n)	/klɒk/	đồng hồ treo tường
6.		(n phr)	/ˈkʌləd ˈpenslz/	bút chì màu
7.		(n)	/ˈkʌmpəs/	compa
8.		(n)	/kəmˈpjuːtə(r)/	máy vi tính
9.		(n)	/desk/	bàn học
10.		(n)	/ˈdɪkʃənəri/	từ điển
11.		(n)	/ˈɪŋglɪʃ/	môn tiếng Anh
12.		(n)	/ˈeksəsaɪz/	bài tập
13.		(n)	/ˈfʊtbɔːl/	bóng đá
14.		(n)	/gləʊb/	quả địa cầu
15.		(n)	/gluː/	keo, hồ dán
16.		(n)	/ˈhɪstri/	môn lịch sử
17.		(n)	/ˈhəʊmwɜːk/	bài tập về nhà
18.		(n)	/ˈdʒuːdəʊ/	môn võ Judo
19.		(n)	/ˈlesn/	bài học
20.		(n)	/ˈlʌntʃ bɒks/	hộp cơm trưa
21.		(n)	/mæp/	bản đồ
22.		(n)	/ˈmjuːzɪk/	môn âm nhạc
23.		(n)	/ˈnəʊtbʊk/	vở ghi chép
24.		(n)	/ˈpeɪpə klɪp/	kẹp giấy
25.		(n)	/pen/	bút mực
26.		(n)	/ˈpensl keɪs/	hộp bút
27.		(n)	/ˈpensl ˈʃɑːpnə(r)/	gọt bút chì
28.		(n)	/ˈfɪzɪks/	môn vật lý
29.		(n)	/prəˈdʒektə(r)/	máy chiếu
30.		(n)	/ˈrʌbə(r)/	cục tẩy, gôm
31.		(n)	/ˈruːlə(r)/	thước kẻ
32.		(n)	/ˈskuːl bæg/	cặp sách
33.		(n)	/ˈskuːl lʌntʃ/	bữa trưa ở trường

LIVEWORKSHEETS

34.		(n)	/ˈsaɪəns/	môn khoa học
35.		(n)	/ˈsɪzəz/	cái kéo
36.		(n)	/ˈstjuːdnt/	học sinh
37.		(n)	/ˈtekstbʊk/	sách giáo khoa
38.		(n)	/vəˈkæbjuləri/	từ vựng

B. WORD FORM

1. ..... (v): khuyên bảo, cho lời khuyên
- ..... (n): lời khuyên
- ..... (adj): nên làm, khôn ngoan
- ..... (adv): có cân nhắc, thận trọng

2. ..... (v): mài sắc, làm nhọn
- ..... (n): cái gọt (bút chì), dụng cụ mài
- ..... (adj): sắc bén, nhọn
- ..... (adv): sắc sảo, gay gắt

3. ..... (n): quốc gia, dân tộc
- ..... (adj): thuộc về quốc gia, dân tộc
- ..... (adj): quốc tế
- ..... (adv): trên toàn quốc, theo quốc gia

4. ..... (v): làm thích thú, gây hứng thú
- ..... (n): sự thích thú, sự quan tâm, lãi suất
- ..... (adj): quan tâm, thích thú (chỉ cảm xúc của người)
..... (adj): thú vị, hấp dẫn (chỉ tính chất của vật/ việc)
- ..... (adv): một cách thú vị

5. ..... (v): diễn đạt bằng lời, viết
- ..... (n): từ, lời nói
- ..... (adj): nhiều lời, dài dòng
- ..... (adv): không nói một lời

C. GRAMMAR

a. The present simple

- **Form** (Công thức):

Normal verb	Be
(+)	(+) ....
(-)	(-) ....
(?)	(?) .....? .....? .....

- **Usage** (Cách dùng):

- Dùng để chỉ ....., hành động .....,ở hiện tại.

E.g. I usually go to bed at 11 p.m.

- Dùng để chỉ một sự việc, một .....,

E.g. The Sun rises in the East and sets in the West.

- Dùng để chỉ một sự việc sẽ xảy ra trong ..... theo ..... hoặc .....

E.g. The plane takes off at 3 p.m this afternoon.

- **Signals** (Dấu hiệu):

- ***Cụm từ với "every***.....,.....,.....,
- ***Cụm từ chỉ tần suất***: .....,.....,.....,
- ***Trạng từ chỉ tần suất***: always, usually, often, sometimes, never, rarely...

- **How to add "s/es" to verbs:**

- Thông thường ta thêm "s" vào sau các động từ.

work→ ..... read → .....

- Những động từ tận cùng bằng -s; -sh; -ch; -Z; -X; -o: ta thêm "es".

miss → .....

LIVEWORKSHEETS

watch → ..... buzz → .....

- Những động từ tận cùng là "y":

+ Nếu trước "y" là một nguyên âm (a, e, i, o, u): ta giữ nguyên "y" + "s".

play → .....

+ Nếu trước "y" là một phụ âm - ta đổi "y" thành "i" + "es".

fly → .....

b. Adverbs of frequency

Trạng từ chỉ tần suất cho chúng ta biết về mức độ thường xuyên của một hành động nào đó. Loại trạng từ này thường dùng với thì hiện tại đơn để diễn tả các hành động có tính lặp đi lặp lại.

Adverbs of frequency	Meaning
.....	luôn luôn
.....	thông thường. thường lệ
.....	thường xuyên
.....	đôi khi, đôi lúc
.....	hiếm khi
.....	không bao giờ

- **Vị trí của trạng từ chỉ tần suất:**

- Trạng từ chỉ tần suất đứng trước .....g.

E.g. I usually go to the park with my friends.

We never go swimming in winter.

- Trạng từ chỉ tần suất đứng sau ....., động từ .....và động từ .....

Các trợ động từ thường gặp nhất là: ....., etc.

E.g. Tony is often on time.

Jack is never late for the important meeting.

Tom will never lend her money.

She doesn't often go to the cinema on Tuesday.

- Trạng từ chỉ tần suất đứng .....động từ .....và .....động từ.

E.g. I don't often buy chocolate here.

He doesn't usually read this kind of stories.

What do you usually do in your free time?



A. PHONETIC

Exercise 1: Mark the letter A, B, C, or D to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions.

LIVEWORKSHEETS

1. A. subject	B. hungry	C. lunch	D. calculator	
2. A. study	B. computer	C. understand	D. sunny	
3. A. husband	B. study	C. uncle	D. turn	
4. A. large	B. sharpener	C. hat	D. star	
5. A. classmate	B. compass	C. smart	D. fast	
6. A. uniform	B. summer	C. student	D. computer	
7. A. country	B. group	C. young	D. double	
8. A. class	B. fast	C. dancing	D. library	
9. A. clever	B. subject	C. restaurant	D. English	
10. A. calculator	B. car	C. fast	D. father	
11. A. brother	B. volleyball	C. company	D. Monday	
12. A. smart	B. dollar	C. start	D. guitar	
13. A. uniform	B. Sunday	C. music	D. unique	
14. A. notebook	B. over	C. cover	D. video	
15. A. March	B. smart	C. warm	D. art	
16. A. study	B. lunch	C. sun	D. computer	
17. A. grammar	B. star	C. hard	D. start	
18. A. come	B. someone	C. brother	D. volleyball	
19. A. mother	B. no	C. Monday	D. love	
20. A. subject	B. study	C. fun	D. computer	

Exercise 2: Mark the letter A, B, C, or D to indicate the word that differs from the other three in the position of primary stress in each of the following questions.

1. A. physics	B. lesson	C. judo	D. exciting	
2. A. creative	B. equipment	C. excited	D. uniform	
3. A. international	B. kindergarten	C. interesting	D. calculator	
4. A. boarding	B. textbook	C. around	D. history	
5. A. sometimes	B. listen	C. canteen	D. pocket	
6. A. interview	B. library	C. creative	D. badminton	
7. A. biology	B. breakfast	C. classroom	D. science	
8. A. remember	B. uniform	C. secondary	D. exercise	
9. A. notebook	B. supply	C. boarding	D. pencil	
10. A. surround	B. swimming	C. compass	D. history	

Exercise 3: Put the words with the underlined part into the correct column.

after	last	monkey	nothing	unhappy
ask	start	part	cut	party
wonderful	answer	country	father	some
market	color	class	under	love
cup	study	sunny	march	example

/a:/	/ʌ/

LIVEWORKSHEETS

B. VOCABULARY AND GRAMMAR

Exercise 4: Jumbled words: What are these school things? Rearrange the following letters to make the correct words.

1. c-l-a-c-u-l-t-a-o-r: _____
2. e-t-b-x-t-o-k-o: _____
3. c-p-o-s-a-s-m: _____
4. r-e-u-l-r: _____
5. n-u-i-f-r-o-m: _____
6. a-b-o-d-r: _____
7. e-d-k-s: _____
8. e-p-l-c-n-i: _____
9. b-y-i-c-l-c-e: _____
10. p-n-e-i-c-l-a-c-s-e: _____

Exercise 5: Mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct answer to each of the following questions.

1. Most schools require children to wear school _____.
A. equipment B. favourite C. uniforms D. creative

2. We play _____ at break time.
A. exercise B. History C. judo D. football

3. Children will work hard if the lessons are _____.
A. pleasant B. nice C. disappointing D. interesting

4. Let's _____ our school uniform and go to school.
A. wear on B. put on C. take off D. put off

5. My friends do _____ to protect themselves.
A. exercise B. judo C. football D. Science

6. In many schools in Vietnam students have to wear a _____.
A. coat B. suit C. clothing D. uniform

7. _____ school is a school where students study and live during the school year.
A. Primary B. Creative C. International D. Boarding

8. AIS is an _____ school in Viet Nam. It provides American education.
A. international B. favourite C. creative D. excited

9. Every day, I ride my _____ to school.
A. computer B. bicycle C. school bag D. football

10. My sister is very _____. She is very good at painting pictures.
A. favourite B. creative C. international D. excited

11. We usually have _____ in the school canteen.
A. school lunch B. homework C. vocabulary D. lessons

12. What's your _____ subject? - I like English.
A. excited B. creative C. international D. favourite

13. Duy's friends are waiting for him to put on his _____ so they can go to school together.
A. uniform B. notebook C. subject D. exercise

14. It's difficult calculation. Can I borrow your _____?
A. ruler B. schoolbag C. pencil case D. calculator

15. In _____ lessons, they learn about animals and plants.
A. history B. music C. English D. science

16. We have some new _____ in this school year: physics, computer science, etc.
A. teachers B. equipment C. subjects D. friends

17. Wellspring Saigon is an _____ school.
A. internation B. internationality C. internationalise D. international

18. Children like to play _____.
A. football B. lesson C. housework D. physic

19. In many schools in Viet Nam students have to wear a _____.
A. suit B. uniform C. coat D. clothing

20. The children look very _____ while playing games during break time.

LIVEWORKSHEETS

A. excited B. exciting C. excite D. excitement

21. There are 30 _____ in my class.
A. students B. teachers C. lessons D. friends

22. Vy and Phong are _____ about their first day at secondary school.
A. favourite B. international C. creative D. excited

23. You can use a _____ to draw circles.
A. notebook B. book C. compass D. rubber

24. Today we have two Art _____.
A. students B. computers C. projects D. lessons

25. I rarely do _____ in the morning, but my sister usually does.
A. have B. marks C. exercise D. do

26. Thang is good at playing _____. He is the best footballer in my class.
A. exercise B. basketball C. football D. judo

27. Does your brother _____ English and literature on Mondays?
A. have B. marks C. exercise D. do

28. We learn about _____ in IT.
A. bicycle B. projector C. computer D. globe

29. That is the _____ where we do all our experiments.
A. laborious B. labor C. laboratorian D. laboratory

30. I usually do my _____ after dinner.
A. exercise B. lessons C. vocabulary D. homework

31. They are _____ because they do judo every day.
A. healthfulness B. healthily C. healthy D. healthful

32. In the _____ you can read books and newspapers or borrow them to read at home.
A. canteen B. library C. gym D. classroom

33. I stick new words on the wall to learn _____.
A. English B. vocabulary C. homework D. Physics

34. Nam lives far from school, so he studies at a _____ school.
A. international B. boarding C. creative D. favourite

35. Susan usually gets good _____ in exams.
A. do B. have C. marks D. exercise

36. Our school has one _____. This connects to a computer.
A. desk B. projector C. clock D. globe

37. The school gym has lots of new and modern _____.
A. library B. uniforms C. equipment D. classmates

38. Carol believes that do _____ regularly is a good way to be healthy.
A. gymnast B. gymnastically C. gymnastics D. gymnasium

39. The students always remember to _____ their homework.
A. do B. marks C. exercise D. have

40. Thanh and Duy are in the same class at school. They are _____.
A. teachers B. friends C. classmates D. students

41. After school they usually _____ football.
A. study B. play C. make D. do

42. When my friend misses the lessons, I always _____ him my notes.
A. lend B. borrow C. takes D. send

43. Jenny put _____ coat and went out.
A. about B. on C. in D. at

44. A good friend is ready to _____ things with his/ her classmates.
A. study B. share C. do D. play

45. I'm always nervous when I'm _____ an exam.
A. working B. making C. taking D. writing

LIVEWORKSHEETS

46. -" _____ class are you in?" - "Class 6B."
A. Which B. When C. Whose D. Where
47. That is the laboratory _____ we do all our experiments.
A. which B. when C. that D. where
48. - "How's your class this year?"
- "Great. _____ forty-seven students, and they are good friends."
A. There're B. It's C. They're D. There's
49. School _____ at 4.30 p.m every day.
A. are finishing B. finishes C. finish D. is finishing
50. Cuong and Minh _____ their bicycles to school from Monday to Friday.
A. are riding B. is riding C. rides D. ride
51. They sometimes go home _____ weekends.
A. about B. on C. at D. in
52. I'm absolutely not good _____ all any kind of sport.
A. on B. for C. at D. with
53. We have English and Vietnamese _____ Tuesday.
A. on B. in C. at D. about
54. The children are excited _____ the holiday.
A. on B. at C. about D. in
55. She goes home _____ 4 o'clock every day.
A. in B. about C. on D. at

Exercise 6: Underline the mistakes in the sentences then correct them.

1. We **often don't** go to school by bus.
often don't => don't often
2. John go fishing when he has free time.
3. Where are you often do judo?
4. His parents is very friendly and helpful.
5. I don't speaks English very well.
6. What do your sister study at school?
7. I always gets up early to go to school.
8. What time you often eat breakfast?
9. Wendy always studys hard to get high scores.
10. Does she beautiful and friendly?

Exercise 7: Mark the letter A, B, C, or D to indicate the word(s) CLOSEST in meaning to the underlined word(s) in each of the following questions.

1. All the lessons at my new school are very **interesting**.
A. boring B. exciting C. outgoing D. humorous
2. There are 30 children in his class, and it's **difficult** for the teacher to teach all of them.
A. hard B. simple C. early D. easy
3. Do you like **learning** English?
A. singing B. studying C. writing D. speaking
4. Let me **put on** my dress. Then we can go.
A. wear B. remove C. change D. open
5. She often rides her **bicycle** to school.
A. car B. motorbike C. bike D. train

Exercise 8: Mark the letter A, B, C, or D to indicate the word(s) OPPOSITE in meaning to the underlined word(s) in each of the following questions.

1. Everyday, he comes to school very early to **open** all the windows and clean the blackboard.
A. close B. start C. clean D. learn
2. Jim went for a walk and found a **big** box between some rocks.
A. same B. small C. large D. modern

LIVEWORKSHEETS

3. It has big buildings and **modern** equipment.
A. new B. beautiful C. smart D. old
4. How is your **old** school?
A. big B. small C. new D. beautiful
5. Hoa goes to the **same** school as me.
A. different B. similar C. alike D. equal

Exercise 9: Put the verbs in brackets in the present simple.

1. We sometimes _____ books. **(read)**
2. Emily usually _____ to the disco. **(go)**
3. It often _____ on Sundays. **(rain)**
4. Pete and his sister often _____ the family's car. **(wash)**
5. I always _____ to the bus stop. **(hurry)**
6. I _____ lemonade very much. **(like)**
7. The girls always _____ to pop music. **(listen)**
8. _____ Minh and Hoa _____ to work by bus every day? **(go)**
9. Mr Smith _____ Spanish and French. **(teach)**
10. Mary often _____ her homework after school. **(do)**
11. My mom always _____ delicious meals. **(make)**
12. Charlie _____ eggs. **(not eat)**
13. Susie _____ every week. **(go)**
14. Janet never _____ jeans. **(wear)**
15. _____ your parents _____ with your decision? **(agree)**
16. Where _____ he _____? **(come)**
17. Where _____ your father _____? **(work)**
18. Jimmy _____ usually _____ the trees. **(not water)**
19. Who _____ the washing in your house? **(do)**
20. It _____ a fact that smart phone _____ us a lot in our life. **(be)/ (help)**

Exercise 10: Write the sentences again. Put the adverbs in the correct place.

1. I help my mother in the kitchen. **(always)**
→
2. William listen to the radio. **(usually)**
→
3. Jack doesn't play football with his friends. **(usually)**
→
4. The children do their homework after dinner. **(often)**
→
5. They play computer games in the evening. **(sometimes)**
→
6. My teacher is late for lessons. **(never)**
→
7. Do you go to the zoo with your parents? **(often)**
→
8. I am late for class. **(sometimes)**
→
9. We don't surf the Internet before sleeping. **(always)**
→
10. They eat fast food because it is not good for their health. **(rarely)**
→

LIVEWORKSHEETS

Exercise 11: Write questions and negations as in the example.

Tom lives in England. —> Does Tom live in England?/ Tom doesn't live in England.

1. Mr. Simpson teaches Chemistry.
=>
_____

2. I like playing computer games.
=>
_____

3. John and Sue work in a café.
=>
_____

4. We do the shopping on Saturdays.
=>
_____

5. The baby cries all the time.
=>
_____

C. COMMUNICATION

Exercise 12: Choose A-E to complete the following conversation between Nick and Jasmine. Practice the conversation.

A. *What is your favorite day of the week?*
B. *Yeah, that's what I like best about her*
C. *It's so hard to remember all the names and events*
D. *What's your favorite subject then?*
E. *I like learning about people and places around the world*

Nick: (1)_____?
Jasmine: Oh, I love Thursday. I have English and science in the morning and PE in the afternoon. They are all my favorite subjects.
Nick: I hate Thursday. I have History on Thursday. (2)_____ .
Jasmine: Really? I think history is interesting. I like learning historical stories. (3)_____ ?
Nick: I like Geography. (4)_____ . And I love the teacher too. Ms. Amber is a friendly teacher.
Jasmine: She doesn't teach my class. But I hear she's fun, and she doesn't give much homework.
Nick: (5) _____ .

Exercise 13: Mark the letter A, B, C or D to indicate the option that best completes each of the following exchanges.

1. "Do you go to boarding school?" " _____ "
A. Yes, I do B. I have a class. C. Don't do that D. I'm sorry I can't

2. "Hi, Nam. Nice to meet you." " _____ "
A. Hi, Lan. Nice to meet you, too. B. Why?
C. This is my friend. D. Hi, What's your name?

3. "When do you have English?" " _____ "
A. I have English at school B. I have it on Monday and Friday.
C. I always learn English in the library. D. I don't like English

4. "How often do you study English?" " _____ "
A. I study English at home. B. I don't go to school to learn English
C. Twice a week D. I learn English by reading books.

5. - Trung: "Why do you think most people learn English?" **- Phong:** " _____ "
A. Because I like it B. Because it's useful to them

LIVEWORKSHEETS

C. I hear it is very good

D. All of them are

LIVEWORKSHEETS